

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 10-11-2020
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Thắng.

Ông Nguyễn Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 và Thông báo trên Đài tiếng nói Việt Nam - Ban Đối ngoại Quốc gia (VOV5), giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Phạm Võ Cát T**, sinh năm: 1996. Địa chỉ: Số A, đường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. *Bị đơn:* **Ông Nguyễn Hữu M**, sinh năm: 1988. Địa chỉ: A, Port Arthur, Texas B, Hoa Kỳ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Phạm Võ Cát T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Hữu M kết hôn vào ngày 12/4/2017 tại UBND quận H, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung khoảng một tháng, sau đó ông M trở về Mỹ sinh sống. Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân khi tôi gọi điện cho ông M,

ông M không muốn nói chuyện, không muốn chia sẻ về cuộc sống của ông M. Vì vậy tôi nhận thấy không thể tiếp tục hôn nhân được nữa, tôi đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Hữu M.

- Về con chung: Tôi xác định không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hữu M không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Võ Cát T, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Võ Cát T đối với ông Nguyễn Hữu M.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Võ Cát T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu M.

Về quan hệ con chung: Bà T xác định không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có.

Án phí HNGĐ sơ thẩm, các chi phí tố tụng, bà Phạm Võ Cát T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Phạm Võ Cát T, địa chỉ cư trú tại số nhà A, đường H, quận H, thành phố Đà Nẵng và bị đơn ông Nguyễn Hữu M, địa chỉ: A, Port Arthur, Texas B, Hoa Kỳ, nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn - bà Phạm Võ Cát T và bị đơn - ông Nguyễn Hữu M, theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt, thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cho ông Nguyễn Hữu M bằng đường ngoại giao theo Luật tương trợ tư pháp và yêu cầu ông Nguyễn Hữu M gửi văn bản phản hồi cho Tòa án; đồng thời thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ngày 31/8/2020, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã nhận được Công văn số: 2001/BTP-PLQT của Bộ Tư pháp về kết quả ủy thác tư pháp. Theo đó, Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được ủy thác tư pháp với lý do ông Nguyễn Hữu M không còn sống tại địa chỉ được yêu cầu. Theo yêu cầu của bà Phạm Võ Cát T, ngày 15/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã có Công văn số 678/CV-TA về việc đăng thông báo trên Đài tiếng nói Việt Nam - Hệ phát thanh Đối ngoại Quốc Gia VOV5 (đăng 03 ngày liên tiếp 05,06 và 07 tháng 10 năm 2020) với nội dung: Tòa án sẽ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án ly hôn giữa bà Phạm Võ Cát T đối với ông Nguyễn Hữu M vào lúc 08 giờ ngày 10/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Hữu M vẫn không có mặt, HĐXX căn cứ điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hữu M.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Võ Cát T và ông Nguyễn Hữu M kết hôn vào ngày 12/4/2017 tại UBND quận H, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện (số đăng ký 30/2017). Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà T, sau khi kết hôn khoảng 01 tháng thì ông M trở về Hoa Kỳ, còn bà vẫn sinh sống tại Đà Nẵng. Bà T cho rằng do vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Hữu M.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T thấy: Hôn nhân của bà T và ông M chỉ tồn tại về mặt hình thức, mỗi người sống mỗi nơi, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T với ông M là có căn cứ với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Bà T xác định không có, nên không đề cập đến.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có, ông M không có lời khai về tài sản chung và nợ chung, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, HĐXX không đề cập đến về tài sản chung và nợ chung.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, bà T phải chịu theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] Về chi phí thực tế phát sinh ủy thác ra nước ngoài, bà T không phải chịu.

[10] Về chi phí đăng thông báo trên đài phát thanh VOV5, bà T phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 122, 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn” của bà Phạm Võ Cát T đối với ông Nguyễn Hữu M.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Võ Cát T được ly hôn với Nguyễn Hữu M.
2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Võ Cát T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0002570 ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.
3. Về phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà T phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp về tổng đạt văn bản tố tụng và 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp về thu thập chứng cứ nhưng được khấu trừ vào tạm ứng bà T đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số: 0002585 ngày 04/3/2020 và 200.000 đồng theo biên lai thu số 0002586 ngày 04/3/2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.
4. Chi phí thực tế phát sinh ủy thác ra nước ngoài bà T không phải chịu. Hoàn trả cho bà T 3.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số: 0002584 ngày 04/3/2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng
5. Về chi phí dịch thuật: Bà T phải chịu 660.000 đồng theo phiếu thu ngày 09/3/2020 của Công ty TNHH Tư vấn và dịch thuật VN. Bà T đã nộp đủ chi phí dịch thuật.
6. Về chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp thanh toán cho cơ quan được ủy thác tư pháp: Bà T phải chịu 95 USD tương đương 2.211.125 đồng, bà T đã nộp đủ số tiền theo các chứng từ giao dịch ngày 04/3/2020 của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh thành phố Đà Nẵng.
7. Về chi phí đăng thông báo trên Đài tiếng nói Việt Nam - Ban đối ngoại (VOV5) là 2.000.000 đồng bà T phải chịu. Bà T đã nộp đủ theo phiếu thu số 15.9/2020/DV ngày 23/9/2020 của Đài tiếng nói Việt Nam - Ban đối ngoại (VOV5).

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Phạm Võ Cát T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Nguyễn Hữu M không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cục thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- UNND Q Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đỗ Thị Thúy Năng